TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/DS-ST
Ngày: 06-6-2018
V/v *"Đòi lại tài sản"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân

Ông Lý Đức Hưng.

Ông Trần Hoàng Giang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Huỳnh Văn Kil - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 6 năm 2017 về việc *"đòi lại tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2018/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Đoàn Văn Ph, sinh năm 1959 (có mặt).

2. Bà Bùi Thị H, sinh năm 1958

Cùng trú tại : Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bà H ủy quyền cho ông Ph tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 07 tháng 7 năm 2017.

Bị đơn:

1. Ông Trần Tấn Kh, sinh năm 1950 (có mặt).

2. Bà Lê Thị Hồng T, sinh năm 1959 (có mặt).

Cùng trú tại: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ban quản lý rừng phòng hộ SL.

Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật ông Tống Xuân P – Trưởng ban

Đại diện theo ủy quyền ông Phan Tiến B – Chuyên viên phòng hành chính tổng hợp.

Theo giấy ủy quyền ngày 05 tháng 6 năm 2018 của Trưởng ban quản lý rừng phòng hộ SL.

2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1957

Trú tại: Ấp G, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 16 tháng 5 năm 2018 ông Lê Văn M đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 6 năm 2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đoàn Văn Ph trình bày: Vào năm 1992 ông Bùi Văn H1 nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ SL, đến khoảng năm 1993 ông nhận chuyển nhượng lại của ông H1 phần đất mà ông H1 nhận giao khoán và ông đã làm hợp đồng nhận giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ SL, hợp đồng do vợ ông là Bùi Thị H đứng tên. Trong thời gian canh tác, sản xuất gia đình ông đã bỏ ra nhiều công sức, tiền bạc để thuê cơ giới bồi đắp phần đất bờ bao dọc theo tuyến sông GC để có hiện trạng như hiện nay. Năm 2005 có một số hộ dân không có đất cất nhà nên đã mượn phần đất bờ bao vuông của ông để dựng nhà ở tạm cho đến nay. Tất cả có 10 hộ dân và đã có 09 hộ dân đã thỏa thuận trả thành quả lao động. Riêng hộ ông Kh và bà T sử dụng 200m^2 nhưng không trả thành quả lao động cho ông. Phần đất ông nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ SL vào năm 2014 ông đã chuyển nhượng lại cho ông Lê Văn M. Tại phiên tòa ông Ph cho rằng phần đất mà ông Kh, bà T xây dựng nhà ở nằm trong phần đất ông nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ SL nên yêu cầu ông Trần Tấn Kh và bà Lê Thị Hồng T trả thành quả lao động cho ông và bà H số tiền 51.000.000 đồng, nếu không trả tiền thì di dời nhà trả lại đất cho ông và bà H.

- Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Trần Tấn Kh và bà Lê Thị Hồng T thống nhất trình bày: Vào khoảng năm 1986 ông, bà có hỏi mượn tạm chính quyền địa phương một phần đất để xây dựng nhà ở. Đến năm 1990 ông, bà có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn U một phần đất có diện tích 243m^2 từ bờ sông đến bờ bao vuông của ông Ba H1, khi đó ông Ph chưa đến ở phần đất tại ấp G, vị trí đất ở cặp nhà ông, bà hiện nay bà con lân cận điều biết là ông Phan Văn D, ông Võ Văn S và ông Trần Văn K. Đất của ông, bà đã ở từ năm 1986 tới nay là phần đất bảo lưu ven sông ông Ph không có bồi đắp nên ông, bà không đồng ý trả thành quả lao động cho ông Ph, bà H.

- Tại biên bản ghi lời khai ngày 16 tháng 5 năm 2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn M trình bày: Vào năm 2014 ông nhận chuyển

nhượng thành quả lao động một phần đất của ông Ph, bà H đã nhận giao khoán của Ban quản lý rừng phòng hộ SL với diện tích hơn 04 ha với giá 480.000.000 đồng. Sau khi nhận chuyển nhượng thành quả lao động ông đã làm hợp đồng nhận giao khoán với Ban quản lý rừng phòng hộ SL. Phần đất mà ông Kh bà T xây dựng nhà không nằm trong diện tích mà ông nhận chuyển nhượng thành quả lao động của ông Ph, bà H nên ông không có yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa ông Ph, bà H với ông Kh, bà T.

- Tại phiên tòa ông Phan Tiến B đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ SL trình bày: Phần đất mà ông Kh, bà T xây dựng nhà không nằm trong phần đất mà trước đây Ban quản lý rừng phòng hộ SL giao cho ông Ph, bà H. Khi giao khoán đất cho ông Ph bà H thì Ban quản lý rừng phòng hộ SL có tạm giao phần đất từ bờ vuông xuống sông GC cho ông Ph, bà H quản lý. Hiện nay Ban quản lý rừng phòng hộ SL không còn giao khoán đất cho ông Ph, bà H, việc tranh chấp giữa ông Ph, bà H với ông Kh, bà T, Ban quản lý rừng phòng hộ SL đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu bồi thường thành quả lao động của ông Đoàn Văn Ph và bà Bùi Thị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đoàn Văn Ph, bà Bùi Thị H khởi kiện yêu cầu ông Trần Tấn Kh, bà Lê Thị Hồng T trả tiền thành quả lao động. Do đó, đây là tranh chấp dân sự về việc "*đòi lại tài sản"*nên theo quy định tại khoản 14 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Ông Lê Văn M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông Lê Văn M.

[3] Ông Ph cho rằng có đầu tư xáng cuốc để bồi đắp phần đất mà ông Kh, bà T xây dựng nhà nên yêu cầu ông Kh, bà T phải trả thành quả lao động với số tiền 51.000.000 đồng. Ông Kh, bà T cho rằng vào năm 1986 ông Kh, bà T có hỏi chính quyền địa phương mượn tạm phần đất xây dựng nhà ở cho đến nay, ông Ph, bà H không có bồi đắp trên phần đất mà ông Kh, bà T xây dựng nhà nên không đồng ý trả thành quả theo yêu cầu của ông Ph, bà H. Tại phiên tòa ông Ph thừa nhận ông Kh, bà T đến ở trên phần đất trước khi ông Ph, bà H nhận chuyển nhượng thành quả từ ông H1. Tại Công văn số 14/CV-BQL ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ban quản lý rừng phòng hộ SL xác định ông Kh, bà T đến ở trước khi ông Ph, bà H nhận chuyển nhượng thành quả lao động từ ông H1. Như vậy, có cơ sở xác định ông Kh, bà T xây dựng nhà ở trước khi ông Ph, bà H nhận chuyển nhượng thành quả của ông H1. Do đó, ông Ph cho rằng gia đình ông đã thuê cơ giới xáng dây, xáng cuộc để bồi đắp phần diện tích mà ông Kh, bà T đang sử dụng là không có cơ

sở nên ông Ph, bà H yêu cầu ông Kh bà T trả thành quả lao động với số tiền 51.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu ông Kh, bà T trả phần đất đang sử dụng: Ông Ph yêu cầu nếu ông Kh, bà T không trả thành quả lao động thì trả lại đất cho ông Ph, bà H. Tại phiên tòa ông B đại diện Ban quản lý rừng phòng hộ SL cho rằng phần đất ông Kh, bà T đang ở thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ SL và hiện nay Ban quản lý rừng phòng hộ SL không có hợp đồng giao khoán đất cho ông Ph, bà H. Tại phiên tòa ông Ph xác định hiện nay ông và bà H không còn nhận giao khoán đất với Ban quản lý rừng phòng hộ SL. Như vậy, phần đất mà ông Kh, bà T đang ở thuộc quyền quản lý của Ban quản lý rừng phòng hộ SL nên ông Ph, bà H yêu cầu ông Kh, bà T trả đất là không có cơ sở chấp nhận.

[5] Từ những phân tích nêu trên nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ph, bà H là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Ông Ph và bà H phải chịu án phí dân sự có giá ngạch với số tiền 2.550.000đ ông Ph và bà H đã dự nộp 1.275.000đ được đối trừ chuyển thu án phí, ông Ph và bà H phải nộp tiếp 1.275.000đ. Ông Kh và bà T không phải nộp án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 14 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; Điều 147; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 256 của Bộ luật dân sự năm 2005.

* Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu của ông Đoàn Văn Ph và bà Bùi Thị H về việc yêu cầu ông Trần Tấn Kh và bà Lê Thị Hồng T trả thành quả lao động với số tiền 51.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về án phí: Ông Đoàn Văn Ph và bà Bùi Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch với số tiền 2.550.000 đồng, ông Ph và bà H đã nộp tạm ứng án phí 1.275.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006604 ngày 22 tháng 6 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân được chuyển thu án phí, ông Ph và bà H phải nộp tiếp 1.275.000đ.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Cà Mau (1b);
- Các đương sự (1b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều